

Số: 2007 /CV-TĐ

V/v giải trình chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý II/2021 so với Quý II/2020.

Hưng Yên, ngày 20 tháng 07 năm 2021

GIẢI TRÌNH KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ II/2021

**Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Thuận Đức (Mã chứng khoán TDP) xin gửi lời chào trân trọng tới Quý cơ quan!

Căn cứ:

- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II/2021 của Công ty Cổ phần Thuận Đức.

Công ty chúng tôi xin giải trình với Quý cơ quan về sự biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất Quý II/2021 so với Quý II/2020 như sau:

CHỈ TIÊU	Kỳ		Chênh lệch	
	Quý II/2021	Quý II/2020	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	716.877.520.333	295.343.162.042	421.534.358.291	143%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-	0	
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	716.877.520.333	295.343.162.042	421.534.358.291	143%
4. Giá vốn hàng bán	635.633.558.965	239.630.962.908	396.002.596.057	165%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.243.961.368	55.712.199.134	25.531.762.234	46%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	6.248.485.287	1.661.532.279	4.586.953.008	276%
7. Chi phí tài chính	23.401.337.303	22.353.242.937	1.048.094.366	5%
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	0	0	0	
9. Chi phí bán hàng	10.749.915.229	5.018.451.968	5.731.463.261	114%
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	16.574.859.023	9.334.251.689	7.240.607.334	78%
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.766.335.100	20.667.784.819	16.098.550.281	78%
12. Thu nhập khác	6.611.417	27.664.636	-21.053.219	-76%
13. Chi phí khác	1.226.802.220	624.646.355	602.155.865	96%
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	-1.220.190.803	-596.981.719	-623.209.084	104%
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.546.144.297	20.070.803.100	16.721.759.365	83%
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.569.469.341	5.456.718.148	2.112.751.193	39%
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-215.344.989	0	-215.344.989	0%
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	28.192.019.945	14.614.084.952	14.824.353.161	101%
19. Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	28.192.019.945	14.614.084.952	14.824.353.161	101%
20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	524	316	209	66%

1. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý II/2021 so với Quý II/2020 tăng 14,8 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 101%, lãi cơ bản trên cổ phiếu Quý II/2021 so với Quý II/2020 tăng 316 đồng/CP.

2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hợp nhất Quý II/2021 tăng so với Quý II/2020 với giá trị là 421,5 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ 143% trong khi đó giá vốn hàng bán chỉ tăng 50%

3. Doanh thu hoạt động tài chính hợp nhất Quý II/2021 so với Quý II/2020 tăng với giá trị 4,58 tỷ đồng

4. Cùng với mức biến động doanh thu, Chi phí tài chính hợp nhất cùng với các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý Quý II/2021 đều tăng so với Quý II/2020 với tỷ lệ tăng tương ứng là 5%, 114%, 78%. Chi phí tài chính chủ yếu là chi phí lãi vay tăng nhẹ so với cùng kỳ năm trước.

Trong Quý II/2021 thị trường kinh doanh nội địa ổn định tăng trưởng doanh thu cao, doanh số bán hàng bao bì nội địa thức ăn chăn nuôi và nông sản tăng trưởng cùng với bán hạt nhựa; thị trường xuất khẩu túi siêu thị shopping bag có sự hồi phục khá tốt so với cùng kỳ năm 2020 với mức tăng trưởng 50%.

Trên đây là ý kiến giải trình của Công ty Cổ phần Thuận Đức về chênh lệch doanh thu lợi nhuận hợp nhất Quý II/2021 so với Quý II/2020.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Ban Tổng Giám đốc
- UBCKNN;
- Lưu VT. TCCB (T)

TM. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Tổng giám đốc



Bùi Thế Quyền

